

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2017
Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Thanh Hải.

2. Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Thanh H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07 tháng 4 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 20 tháng 6 năm 2017 chị Nguyễn Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thu H và anh Phan Thanh H kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Cà Mau. Chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hòa hợp tính tình. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có 02 người con chung tên: Phan H D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 và Phan T A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2013. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu xin được nuôi 02 người con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị H và anh H tự thỏa thuận là sẽ yêu cầu sau.

Theo biên bản hòa giải ngày 20 tháng 6 năm 2017 anh Phan Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, anh H còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên, tuổi như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn thì anh H yêu cầu xin được nuôi cháu Phan H D và đồng ý giao cháu Phan T A cho chị H nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh H và chị H tự thỏa thuận là sẽ yêu cầu sau.

Đối với cháu Phan H D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 có nguyện vọng được theo anh H.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H bảo lưu quan điểm là yêu cầu xin hôn với anh H. Con chung thống nhất giao cháu Phan H D cho anh H nuôi dưỡng. Chị H nuôi cháu Phan T A, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ thu, nợ trả tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh H thống nhất ly hôn với chị H, thống nhất nuôi cháu Phan H D và đồng ý giao cháu Phan T A cho chị H nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Phan Thanh H kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Cà Mau. Vì vậy hôn nhân giữa chị H và anh H là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H là thực tế có xảy ra vì cả chị H và anh H đều thừa nhận. Tuy nhiên anh H cho rằng mâu thuẫn là không trầm trọng nên anh H không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh H có 02 người con chung tên: Phan H D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 và Phan T A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2013. Xét thấy, cháu Phan H D hiện nay đã hơn 07 tuổi và cháu có nguyện vọng theo anh H, chị H đồng ý giao cho anh H nuôi dưỡng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 giao cháu H D cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Phan T A chị H yêu cầu nuôi dưỡng, anh H thống

nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị H và anh H không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[3] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị H và anh H thỏa thuận sẽ yêu cầu sau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị H được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H với anh Phan Thanh H.

- Về con chung: Giao con tên Phan H D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 cho anh Phan Thanh H nuôi dưỡng. Giao con tên Phan T A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2013 cho chị Nguyễn Thu H nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thu H và anh Phan Thanh H không yêu cầu nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thu H và anh Phan Thanh H có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của nhau.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị Nguyễn Thu H và anh Phan Thanh H tự thỏa thuận sẽ yêu cầu sau nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị Nguyễn Thu H là: 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013548 ngày 07 tháng 4 năm 2017 được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THA dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh